

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 195/2025/DS-ST
Ngày: 24-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu
2. Bà Phạm Thị Thu Yến

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Á; địa chỉ: Số D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Trọng L, sinh năm 1973; địa chỉ: Lầu H, Tòa nhà A, D C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo giấy ủy quyền ngày 23/8/2025. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1989; địa chỉ: C Khu phố H, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Trọng L trình bày:

Ngân hàng TMCP Á cấp tín dụng cho ông Nguyễn Hồng Q theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân của ông Nguyễn Hồng Q

ký ngày 26/7/2022; bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á; các văn bản khác của ông Nguyễn Hồng Q ký với Ngân hàng TMCP Á về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Số thẻ tín dụng: 3567950000127936; ngày cấp 21/7/2022; loại thẻ: JCB Gold; hạn mức thẻ: 150.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: Tháng 07/2025.

Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á là một phần không thể tách rời của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Hồng Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP Á. Do đó, căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn thì: Ngày 21/8/2023, Ngân hàng TMCP Á đã chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông Nguyễn Hồng Q. Ngày 14/9/2023, Ngân hàng TMCP Á ra thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với các thẻ tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 24/9/2025 ông Nguyễn Hồng Q còn nợ Ngân hàng TMCP Á các khoản sau:

Nợ gốc: 172.085.182 đồng;

Lãi quá hạn: 131.275.382 đồng.

Tổng cộng: 303.360.564 đồng.

Do ông Nguyễn Hồng Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Á khởi kiện yêu cầu ông Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á tổng số tiền tính đến ngày 24/9/2025 là 303.360.564 đồng (trong đó Nợ gốc: 172.085.182 đồng; Lãi quá hạn: 131.275.382 đồng).

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Điều lệ; Quyết định tái bổ nhiệm nhân sự; Giấy ủy quyền; Căn cước công dân; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân; Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 14/9/2023; bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP Á...

- Bị đơn ông Nguyễn Hồng Q đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Q không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP Á khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1989; địa chỉ: C Khu phố H, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng theo đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 26/7/2022. Xét, đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Ngày 26/7/2022 ông Nguyễn Hồng Q ký đề nghị Ngân hàng TMCP Á phát hành thẻ tín dụng loại thẻ: JCB Gold; hạn mức thẻ tín dụng đề nghị: 150.000.000 đồng; hình thức phát hành thẻ là không có bảo đảm. Theo bảng diễn giải chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng cung cấp thể hiện ông Nguyễn Hồng Q đã thực hiện giao dịch tổng cộng số tiền là 370.730.958 đồng. Trong đó thanh toán bằng thẻ với số tiền là 370.730.958 đồng. Ông Nguyễn Hồng Q phải chịu các khoản phải thanh toán là 38.133.748 đồng bao gồm phí thường niên là 800.000 đồng, lãi trong hạn là 29.020.888 đồng, phạt chậm trả 8.312.860 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Hồng Q đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á tổng số tiền 236.769.504 đồng. Dư nợ gốc chuyển nợ quá hạn đến ngày 21/08/2023 là 172.085.182 (trong đó đã trừ 10.020 đồng có trong thẻ). Kể từ ngày chuyển nợ quá hạn (21/08/2023) đến nay (ngày 24/09/2025) ông Nguyễn Hồng Q không thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á số tiền nào.

Xét văn bản đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 26/7/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Á với ông Nguyễn Hồng Q đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP Á khởi kiện yêu cầu ông Q phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến hết ngày 24/9/2025 tổng số tiền là 303.360.564 đồng (trong đó Nợ gốc: 172.085.182 đồng; Lãi quá hạn: 131.275.382 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 25/9/2025 cho đến khi ông Q trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong văn bản đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 26/7/2022.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á đối với ông Nguyễn Hồng Q.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Khoản 1 Điều 6, khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng Q về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Hồng Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á tổng số tiền là 303.360.564 đồng (trong đó Nợ gốc: 172.085.182 đồng; Lãi quá hạn: 131.275.382 đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 25/9/2025 cho đến khi ông Nguyễn Hồng Q thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong văn bản đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 26/7/2022.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hồng Q phải chịu 15.168.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Á số tiền 6.372.660 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004352 ngày 23/6/2025 (do ông Trần Trọng L nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng T – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Phạm Thị Bạch Tuyết